

Số: 05/2025/QĐST-VDS

Hải Phòng, ngày 14 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên họp:
Bà Vũ Thị Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025, về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2025/QĐST-DS ngày 03/9/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:* UBND xã K, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch UBND xã - là Người yêu cầu.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đồng Văn K – Sinh năm 1977

Trú tại: Thôn H, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030077002298

- Chị Bùi Thị H – sinh năm 1981

Trú tại: Thôn H, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030181009224

Đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu trình bày: Căn cứ để UBND xã K yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Ngày 13 tháng 8 năm 2025 UBND xã K nhận được đơn đề nghị của chị Bùi Thị H, sinh ngày 10/09/1981, căn cước số: 030 181 009 224 do Bộ C cấp ngày 02/10/2024 địa chỉ: Thôn H, xã K, thành phố Hải Phòng về việc đề nghị UBND xã K xem xét trường hợp đăng ký kết hôn chưa đủ tuổi giữa chị với anh Đồng Văn K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/1998 ngày 08/01/1998 của UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng). UBND xã K kiểm tra thấy rằng,

anh K và chị H có đăng ký kết hôn, tại sổ đăng ký kết hôn năm 1998, số thứ tự số 04, với tên chồng Đồng Văn K, năm sinh 1977 và tên vợ Bùi Thị H, năm sinh 1980, ngày đăng ký kết hôn là 08/01/1998. Căn cứ giấy tờ, hồ sơ của công dân (giấy khai sinh, căn cước công dân) cho thấy thời điểm kết hôn, chị H chưa đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tuy nhiên, khi đăng ký kết hôn chị H đã khai tăng lên để đủ tuổi được đăng ký kết hôn do vậy tại sổ đăng ký kết hôn đã ghi chị H sinh năm 1980. Bằng văn bản này, UBND xã giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh K và chị H. Trường hợp anh K và chị H có đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh K và chị H. Hiện nay, do trong giai đoạn đầu thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp với nhiều công việc phải giải quyết, UBND xã K đề nghị người đại diện theo pháp luật của UBND xã được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa liên quan đến giải quyết vụ việc dân sự trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh K, chị H trình bày: Anh chị sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) vào năm 1998 theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/1998. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống hạnh phúc cho đến nay, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Do khi đăng ký kết hôn, anh chị không đem theo giấy tờ tùy thân nên chị H đã khai nhầm ngày tháng sinh trong giấy đăng ký kết hôn là ngày 12/01/1980, nhưng ngày tháng năm sinh đúng của chị H là ngày 10/09/1981. Chị H biết là chưa đủ tuổi kết hôn (chưa đủ 17 tuổi) nên đã khai là ngày 12/01/1980 để đủ tuổi đăng ký kết hôn, chị H xác định chị sinh ngày 10/09/1981 là đúng. Nay UBND xã L (Nay là UBND xã K) yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh chị đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ ngày chị H đủ tuổi kết hôn. Anh chị có 02 con chung là cháu Đồng Minh Q - sinh năm 1999 và Đồng Thị Ngọc L - sinh năm 2008. Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra anh chị không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên họp:

- Người đại diện hợp pháp của UBND xã K vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và trình bày: Chị H chưa đủ tuổi kết hôn, đã khai tăng tuổi là vi phạm độ tuổi kết hôn theo quy định. Do đó, UBND xã K giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh K, chị H. Trường hợp, anh K, chị H đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh K, chị H trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Anh K, chị H vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết: Công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn (trên cơ sở Giấy đăng ký kết hôn số 04/1998 ngày 08/01/1998 của UBND xã

L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng cấp).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS; Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã K, thành phố Hải Phòng về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đồng Văn K và chị Bùi Thị H tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 08/01/1998

- Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đồng Văn K – Sinh năm 1977, và chị Bùi Thị H – sinh năm 1981, đều trú tại: Thôn H, xã K, thành phố Hải Phòng kể từ ngày chị H đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 10/09/1999.

- Về lệ phí: UBND xã K được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết yêu cầu: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đồng Văn K – sinh năm 1977, và chị Bùi Thị H – sinh năm 1981, đều trú tại: Thôn H, xã K, thành phố Hải Phòng, UBND xã K là nơi đăng ký kết hôn trái pháp luật cho anh K, chị H. UBND xã K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng hủy việc kết hôn trái pháp luật, đồng thời quá trình giải quyết, anh K, chị H yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ khi chị H đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10, 11 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của người giam gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng giải quyết việc dân sự tiến hành phiên họp vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về ngày tháng năm sinh của chị H: Tại biên bản lấy lời khai, chị H xác định ngày tháng năm sinh đúng của chị là ngày 10/09/1981. Anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn, UBND xã K đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04/1998 ngày 08/01/1998 cho anh chị. Khi đó chị không đem theo giấy tờ tùy thân, không nhớ chính xác ngày tháng năm sinh, chị H chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi, khai sinh sinh ngày 12/01/1980 (cho đủ tuổi kết hôn). Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, giấy khai sinh của chị H), đồng thời căn cứ nội dung UBND xã K xác nhận thông tin của chị H, có đủ cơ sở xác định: Chị Bùi Thị H, sinh ngày 12/01/1980 ghi trong Giấy đăng ký kết hôn với chị Bùi Thị H, sinh ngày 10/09/1981 ghi trong CCCD số 030 181 009 224 là một người.

[4]. Về nội dung yêu cầu: Anh K, chị H xác định anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K ngày 12/01/1980. Căn cứ ngày tháng năm sinh của chị H, tại thời điểm đăng ký kết hôn, còn chị H mới 17 tuổi 08 tháng 2 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn của anh chị đã vi phạm về độ tuổi kết hôn, UBND xã K không kiểm tra giấy tờ tùy thân đã đăng ký kết hôn cho anh K, chị H là trái pháp luật. Do đó, UBND xã K yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, anh K, chị H cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy anh K, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống hạnh phúc từ đó đến nay, đã có 02 con chung. Anh chị đã có đủ các điều kiện kết hôn theo điều 8 Luật hôn nhân và gia đình 2014, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định khoản 2 Điều 11, điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không cần tuyên hủy kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân của anh K, chị H kể từ thời điểm chị H đủ tuổi kết hôn.

[5] Về lệ phí: UBND xã K yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 149 BLTTDS; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371, 372 BLTTDS.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10, khoản 2 Điều 11, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã K, thành phố Hải Phòng về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đồng Văn K và chị Bùi Thị H theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/1998 ngày 08/01/1998 của UBND xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng).

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Đồng Văn K – sinh năm 1977, và chị Bùi Thị H – sinh năm 1981, đều trú tại: Thôn H, xã K, thành phố Hải Phòng kể từ ngày chị H đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 10/09/1999.

3. *Lệ phí Tòa án*: UBND xã K được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- VKSND khu vực 10 – Hải Phòng;
- UBND xã Kim Thành, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh

